

Bản án số: 44/2019/HS-ST
Ngày: 22-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trọng Hân**

Thẩm phán: Bà **Nguyễn Diệu Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đoàn Văn Tâm**

Bà **Đào Thị Kim Loan**

Bà **Lữ Kiều Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Bùi Văn Khanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Quách Thị Q, sinh năm: 1964. Nơi cư trú: Ấp Bãi Ch, xã Hòn Ngh, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Nội trợ, trình độ văn hóa: 02/12, dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn D và bà Nguyễn Thị Nh; chồng: Bùi Văn Th và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/10/2018 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:

Luật sư **Nguyễn Thị Ngọc Nh** – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. Có mặt

- Các bị hại:

1. Bà **Lê Thị Kiều Ng**, sinh năm: 1976. Có mặt

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp Bãi Ch, xã Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang

2. **Nguyễn Tường D**, sinh năm 1980. Vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp Bãi N, xã Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang.

3. Ông **Nguyễn Văn Thọ**, sinh năm 1970. Có mặt

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp Bãi Ch, xã Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang.

4. Bà **Nguyễn Kim Th**, sinh năm: 1972. Có mặt
Nơi cư trú: Tổ 2, ấp Bãi Ch, Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang.
5. Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1970. Có mặt
Nơi cư trú: Ấp Bãi N, xã Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang
6. Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1970. Có mặt
Nơi ĐKTT: Tổ 6, ấp Bãi N, xã Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang.
Chỗ ở: Tổ 1, ấp Bãi Ch, xã Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang
7. Bà **Nguyễn Ngọc Ph**, sinh năm: 1986. Có mặt
Nơi cư trú: Tổ 2, ấp Bãi Ch, xã Hòn Ngh, Kiên L, tỉnh Kiên Giang
8. Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1970. Có mặt
Nơi cư trú: Ấp Bãi Ch, xã Hòn Ngh, Kiên L, tỉnh Kiên Giang
9. Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1990. Có mặt
Nơi cư trú: Ấp Bãi Ch, xã Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang.
10. Ông **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1963. Vắng mặt
Nơi cư trú: Ấp Bãi Ch, xã Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang.
11. Bà **Nguyễn Ánh H**, sinh năm: 1973. Có mặt
Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Bãi Ch, Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang.
12. Bà **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1983. Có mặt
Nơi cư trú: Ấp Bãi Ch, xã Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang
13. Bà **Trần Thị Bích Ng**, sinh năm 1979. Có mặt
Nơi cư trú: Ấp Bãi Ch, xã Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang.
14. Bà **Phan Thị Diễm Tr**, sinh năm: 1983. Vắng mặt
Nơi cư trú: Ấp Bãi Ch, xã Hòn Ngh, Kiên L, tỉnh Kiên Giang
15. Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm: 1966. Có mặt
Nơi cư trú: Ấp Bãi N, xã Hòn Ngh, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang
16. Ông **Nguyễn Văn Kh**, sinh năm 1974. Có mặt
Nơi cư trú: Ấp Bãi Ch, xã Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang.
17. Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1959. Vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ 4, ấp Bãi Ch, Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang.
18. Bà **Trương Thị L**, sinh năm: 1949. Vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Bãi Ch, Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang.
- Ủy quyền cho con là **Phạm Văn T**, sinh năm 1956. Có mặt
Nơi cư trú: Ấp Thạch Đ, xã Bình Tr, Kiên L, Kiên Giang.
19. Bà **Nguyễn Thị Ph**, sinh năm 1973. Có mặt
Nơi cư trú: Ấp Bãi N, xã Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang
20. Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1988. Vắng mặt
Nơi cư trú: Tổ 1, ấp Bãi Ch, xã Hòn Ngh, Kiên L, Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2005, Quách Thị Q ngụ tại xã Hòn Ngh, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang làm chủ các dây hụi ngày và 10 ngày xỏ một lần cho những người dân ở địa phương tham gia chơi. Đến năm 2014, 2015 có một số hụi viên hốt hụi xong, bỏ đi nơi khác không đóng hụi chết lại cho Q. Q không có tiền để trả hụi

lại cho các hội viên khác nên Q đã vay tiền bên ngoài để bù đắp số tiền thiếu của hội viên chưa hốt. Từ đó Q nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các hội viên bằng những thủ đoạn gian dối lấy tên hội viên để hốt hội, không được sự đồng ý của họ và bán hội không có thật để chiếm đoạt tiền của các hội viên như sau.

Dây hội thứ 1: Hội 3.000.000 đồng/10 ngày xổ 01 lần, áp ngày 25/9/2016 âm lịch (25/10/2016 dương lịch), có 52 phần, đã xổ được 18 lần. Q lấy tên Nguyễn Tường D hốt lần thứ 3 ngày 15/10/2016 A6L, kêu xổ hội 720.000 đồng, hốt được số tiền 116.520.000 đồng và lấy tên Nguyễn Văn Th hốt lần thứ 4 ngày 25/10/2016 A6L, kêu xổ 820.000 đồng, hốt được số tiền 112.820.000 đồng. Tổng cộng số tiền 229.340.000 đồng, đến ngày 21/4/2017 Q tuyên bố bế hội đã chiếm đoạt tiền của các hội viên như:

1. Lê Thị Kiều Ng tham gia 03 phần, đóng được 18 lần, số tiền 102.270.000 đồng và Q bán cho bà Ng 01 phần hội số tiền 120.720.000 đồng, bà Nga đã cho Q mượn hốt, tổng số tiền 222.990.000 đồng.

2. Nguyễn Tường D tham gia 01 phần, đóng được 18 lần, số tiền 21.640.000 đồng và mua của Q 01 phần hội số tiền 117.000.000 đồng.

3. Nguyễn Văn Th tham gia 02 phần, đóng được 18 lần, số tiền 67.830.000 đồng và mua của Q 02 phần hội số tiền 240.250.000 đồng.

4. Nguyễn Kim Th tham gia 02 phần, đóng được 18 lần, số tiền 77.060.000 đồng và mua của Q 01 phần hội số tiền 117.720.000 đồng.

5. Nguyễn Thị Thu T “Tuyết M”, tham gia chơi 01 phần, đóng được 18 lần số tiền 33.590.000 đồng và mua của Q 01 phần hội số tiền là 117.000.000 đồng.

6. Nguyễn Văn Th tham gia chơi 01 phần hội, đóng được 15 lần số tiền 31.930.000 đồng.

7. Nguyễn Ngọc Ph tham gia chơi 01 phần hội, đóng được 18 lần số tiền 38.530.000 đồng.

8. Nguyễn Văn M tham gia chơi 01 phần hội, đóng được 18 lần số tiền 38.530.000 đồng.

9. Bùi Thị N tham gia chơi 01 phần hội, đóng được 18 lần số tiền 38.530.000 đồng.

10. Nguyễn Ngọc D tham gia chơi 01 phần hội, đóng được 18 lần số tiền 38.530.000 đồng.

11. Nguyễn Ánh H tham gia chơi 01 phần hội, đóng được 18 lần số tiền 38.530.000 đồng.

12. Nguyễn Thị Nh tham gia chơi 01 phần hội, đóng được 18 lần số tiền 38.530.000 đồng.

13. Trần Thị Bích Ngọc tham gia chơi 01 phần hội, đóng được 18 lần số tiền 38.530.000 đồng.

14. Phan Thị Diễm Tr tham gia chơi 01 phần hội, đóng được 18 lần số tiền 38.530.000 đồng.

15. Nguyễn Thị B tham gia chơi 01 phần hội, đóng được 18 lần số tiền 38.530.000 đồng (Không yêu cầu).

16. Lê Văn X tham gia chơi 01 phần hụi, đóng được số tiền 38.530.000 đồng (Không yêu cầu).

17. Đoàn Thị Hồng R tham gia chơi 01 phần hụi, đóng được 18 lần số tiền 38.530.000 đồng (Đã đi khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra không làm việc được).

18. Tr tham gia chơi 01 phần hụi, đóng được 18 lần số tiền 38.530.000 đồng (Đã đi khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra không làm việc được).

19. Nguyễn Vũ Kh “G”, tham gia chơi 01 phần hụi, đóng được 18 lần số tiền 38.530.000 đồng (Đã đi khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra không làm việc được).

Quách Thị Q lấy tên Nguyễn Tường D và Nguyễn Văn Th hót 02 phần hụi lừa đảo chiếm đoạt tiền của hụi viên như:

Lê Thị Kiều Ng 03 phần hụi x 4.460.000/01 phần = số tiền 13.380.000 đồng, Nguyễn Thị Kim Th 02 phần hụi số tiền 8.920.000 đồng, Nguyễn Văn Th 02 phần hụi số tiền 8.920.000 đồng, Nguyễn Tường D, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Ngọc Ph, Nguyễn Văn M, Bùi Thị N, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Ánh H, Nguyễn Thị Nh, Trần Thị Bích Ng, Phan Thị Diễm Tr mỗi người 01 phần số tiền 4.460.000 đồng x 11 = 49.060.000 đồng. Tổng cộng Q đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của 14 người hụi viên số tiền **80.280.000 đồng**.

Riêng Lê Văn X, Nguyễn Thị B không yêu cầu xử lý. Còn Nguyễn Vũ Kh “G”, Đoàn Thị Hồng R và Tr đã bỏ địa phương đi nơi khác Cơ quan Cảnh sát điều tra không mời làm việc được nên không xem xét giải quyết, khi nào có yêu cầu khởi kiện vụ án khác. Đối với các phần hụi Q trực tiếp bán cho các hụi viên do Quách Kim Tr, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Tú U bán lại cho Q. Đây là giao dịch dân sự không phải hụi khổng.

Dây hụi thứ 2: Dây hụi 200.000 đồng/ngày, áp ngày 20/01/2017 Âm lịch (16/02/2017), có 29 người, 100 phần, xổ được 60. Quyển dùng những thủ đoạn gian dối lừa đảo bán hụi không (không có thật) để chiếm đoạt tiền của những hụi viên như sau:

1. Lê Thị Kiều Ng tham gia chơi 02 phần hụi, đóng được 60 lần số tiền 20.400.000 đồng và mua của Quyển bán 08 phần hụi khổng số tiền 136.000.000 đồng.

2. Nguyễn Tường D tham gia 01 phần hụi, đóng được 59 lần số tiền 10.030.000 đồng và mua của Q bán 02 phần hụi khổng số tiền 33.600.000 đồng.

3. Nguyễn Thị K tham gia 05 phần hụi, đóng được 59 lần số tiền 50.150.000 đồng và mua của Q bán 03 phần hụi khổng số tiền 21.000.000 đồng.

4. Nguyễn Văn Kh tham gia 02 phần hụi, đóng được 59 lần số tiền 20.060.000 đồng và mua của Q bán 04 phần khổng số tiền 74.600.000 đồng.

5. Nguyễn Thị Th tham gia chơi 01 phần hụi, đóng được 58 lần số tiền 8.360.000 đồng và mua của Q bán 01 phần hụi khổng số tiền 18.400.000 đồng.

6. Trương Thị L tham gia chơi 01 phần hụi, đóng được 60 lần số tiền 10.200.000 và mua của Q bán 06 phần hụi khổng số tiền 102.000.000 đồng.

7. Nguyễn Thị Ph tham gia chơi 03 phần hụi, đóng được 59 lần số tiền 30.090.000 đồng và mua của Q bán 01 phần hụi khổng số tiền 16.350.000 đồng.

8. Nguyễn Thanh T tham gia chơi 03 phần, đóng được 54 lần số tiền 27.540.000 đồng và mua của Q bán 05 phần hụi không số tiền 83.380.000 đồng.

Quách Thị Q đã lừa đảo chiếm đoạt của 08 hụi viên, 28 phần số tiền 485.330.000 đồng.

Tổng cộng Quách Thị Q lừa đảo chiếm đoạt trong 02 dây hụi của các hụi viên số tiền **565.610.000 đồng**.

*** Vật chứng trong vụ án thu giữ gồm có:**

- 01 (Một) bìa (vỏ) cây thuốc HERO, bên trong mặt trắng ghi danh sách hụi viên có chữ ký của Quách Thị Quyến

**Tại bản cáo trạng số: 25/CT-VKSTKG –P2 ngày 20/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Quách Thị Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.*

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và xác định lại số tiền truy tố đối với bị cáo là 517.340.000 đồng vì trừ đi số tiền lãi bị cáo đã đóng cho các bị hại là 48.270.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Quách Thị Q 12 - 14 năm tù.**

*Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Quách Thị Q bồi thường cho các bị hại số tiền như sau:

1. Lê Thị Kiều Ng số tiền 379.390.000 đồng. Bà Lê Thị Hữu (Tư Đầm) trả thay cho Quyến số tiền 96.000.000 đồng, còn lại số tiền 283.390.000 đồng.

2. Nguyễn Tường D số tiền 182.270.000 đồng.

3. Nguyễn Văn Th số tiền 308.080.000 đồng. Bà Hoàng Thị Hoài Th (Thu V) trả thay cho Q số tiền 99.000.000 đồng, còn lại số tiền 209.080.000 đồng.

4. Nguyễn Kim Th số tiền 233.640.000 đồng. Bà Lý Thị Tuyết Nh trả thay cho Q số tiền 42.000.000 đồng, còn lại số tiền 191.640.000 đồng.

5. Nguyễn Thị Thu T số tiền 150.590.000 đồng.

6. Nguyễn Văn Th số tiền 25.960.000 đồng.

7. Nguyễn Thị Ph số tiền 46.440.000 đồng.

8. Nguyễn Văn M số tiền 42.330.000 đồng.

9. Bùi Thị N số tiền 38.530.000 đồng.

10. Nguyễn Ngọc D số tiền 38.530.000 đồng.

11. Nguyễn Ánh H số tiền 38.530.000 đồng.

12. Nguyễn Thị Nh số tiền 38.530.000 đồng.

13. Trần Thị Bích Ng số tiền 38.530.000 đồng.
14. Nguyễn Thị Diễm Tr số tiền 38.530.000 đồng.
15. Nguyễn Thị K số tiền 71.150.000 đồng.
16. Nguyễn Văn Kh số tiền 94.660.000 đồng. Quyền khắc phục số tiền 29.000.000 đồng, còn lại 65.660.000 đồng.
17. Nguyễn Thị Th số tiền 26.760.000 đồng. Quyền khắc phục số tiền 6.000.000 đồng, còn lại 20.760.000 đồng.
18. Trương Thị L số tiền 112.200.000 đồng. Quyền khắc phục số tiền 8.000.000 đồng, còn lại 104.200.000 đồng.
19. Nguyễn Thị Ph số tiền 46.440.000 đồng. Quyền và chị Ph thỏa thuận trả 43.000.000 đồng.
20. Nguyễn Thanh T số tiền 110.920.000 đồng. Huỳnh Kim X trả thay cho Q số tiền 42.000.000 đồng, còn lại 68.920.000 đồng.

**Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm:*

Luật sư đồng ý cáo trạng truy tố bị cáo Quách Thị Q của Viện kiểm sát tỉnh. Tuy nhiên, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ sau: Sau khi phạm tội bị cáo đã rất ăn năn hối cải, nhận ra hành vi sai trái của mình, đã cố gắng khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Nguyên nhân chính xảy ra sự việc là bị cáo bị các tay em giật hụi khoảng 400 triệu nên bị cáo phải chiếm dụng số tiền của các bị hại để trả hụi. Mặc dù vậy, bị cáo vẫn không có khả năng chi trả nên tuyên bố bế hụi. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội. Về trách nhiệm dân sự đã thỏa thuận xong đề nghị ghi nhận.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Quách Thị Q thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt và xử bị cáo mức án theo quy định của pháp luật, một số bị hại xin giảm án cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin được xử mức án nhẹ để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Từ ngày 25/9/2016 đến ngày 20/01/2017 âm lịch, bị cáo Quách Thị Q thường trú ấp Bãi Ch, xã Hòn Ngh, huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang làm chủ 02 dây hui ngày, hui 3.000.000 đồng và hui 200.000. Q dùng những thủ đoạn gian dối lừa đảo lấy tên Nguyễn Tường D, Nguyễn Văn Th để hốt 02 phần hui chiếm đoạt tiền của 14 người hui viên số tiền 80.280.000 đồng và bán hui khổng không có thật cho 08 hui viên, 28 phần số tiền 485.330.000 đồng. Trong số tiền 485.330.000 đồng bị cáo đã trả lãi cho các bị hại như sau: Bà Lê Thị Kiều Ng 14.400.000 đồng, Nguyễn Tường D 3.600.000 đồng, bị hại K không tính lãi, Nguyễn Văn Kh 7.200.000 đồng, Nguyễn Thị Th 1.500.000 đồng, Trương Thị L 10.800.000 đồng, Nguyễn Thị Ph 1.770.00 đồng, Nguyễn Thanh T 9.000.000 đồng, tổng cộng bị cáo đã đóng lãi được 48.270.000 đồng nên được khấu trừ phần lãi đã trả, còn lại bị cáo lừa đảo chiếm đoạt là 437.060.000 đồng. Như vậy, tổng cộng Q lừa đảo chiếm đoạt tiền của 22 người hui viên số tiền 517.340.000 đồng. Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Hậu quả do bị cáo gây ra lớn, đã gây thiệt hại kinh tế cho những người bị hại và tác động xấu đến cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của họ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải quyết định cho bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra để răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, đối với nhiều người nên áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo. Bị cáo cũng đã khắc phục một phần hậu quả cho một số người bị hại, tuy nhiên so với số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại thì số tiền khắc phục ít, Hội đồng xét xử không áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1

Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng sẽ áp dụng cho bị cáo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình.

[5] Về quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Luật sư đề nghị các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có cơ sở Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi lượng hình.

[6] Quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát:

Vị đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ và mức án cho bị cáo là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về các vấn đề khác:

*Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt như cáo trạng nêu. Bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo được khấu trừ số tiền 30.000.000 đồng gia đình đã nộp.

Đối với trường hợp của bà Lê Thị Mỹ H đã khởi kiện dân sự và đã được giải quyết bằng bản án dân sự của Tòa án nhân dân huyện Kiên L, tỉnh Kiên Giang nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Còn đối với các hội viên đã hốt hội mà chưa đóng lại hội chết cho bị cáo, bị cáo có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác để yêu cầu các hội viên trả lại tiền.

*Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Quách Thị Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền chưa bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Quách Thị Q** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Quách Thị Q 12 (Mười hai) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/9/2018.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận bị cáo Quyền bồi thường cho các bị hại số tiền như sau:

1. Lê Thị Kiều Ng số tiền 283.390.000 đồng.
2. Nguyễn Tường D số tiền 182.270.000 đồng.
3. Nguyễn Văn Th số tiền 209.080.000 đồng.

4. Nguyễn Kim Th số tiền 191.640.000 đồng.
5. Nguyễn Thị Thu T số tiền 150.590.000 đồng.
6. Nguyễn Văn Th số tiền 25.960.000 đồng.
7. Nguyễn Thị Ph số tiền 46.440.000 đồng.
8. Nguyễn Văn M số tiền 42.330.000 đồng.
9. Bùi Thị N số tiền 38.530.000 đồng.
10. Nguyễn Ngọc D số tiền 38.530.000 đồng.
11. Nguyễn Ánh H số tiền 38.530.000 đồng.
12. Nguyễn Thị Nh số tiền 38.530.000 đồng.
13. Trần Thị Bích Ng số tiền 38.530.000 đồng.
14. Nguyễn Thị Diễm Tr số tiền 38.530.000 đồng.
15. Nguyễn Thị K số tiền 71.150.000 đồng.
16. Nguyễn Văn Kh số tiền 65.660.000 đồng.
17. Nguyễn Thị Th số tiền 20.760.000 đồng.
18. Trương Thị L số tiền 104.200.000 đồng.
19. Nguyễn Thị Ph số tiền 43.000.000 đồng.
20. Nguyễn Thanh T số tiền 68.920.000 đồng.

Bị cáo được khấu trừ số tiền 30.000.000 đồng gia đình đã nộp theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 25/12/2018 (BL 33).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

** Về án phí:*

Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 24.693.600 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

** Về quyền kháng cáo:*

Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Đương sự (20);
- Luật sư (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Trọng Hân